TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 128/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thể

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đương

Ông Hoàng Văn Hào

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày *28* tháng *6* năm *2018* tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số *11/2018*/TLST-*HNGĐ* ngày *26* tháng 01 năm *2018* về *ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số *23a/2018*/QĐXXST-HNGĐ ngày *14* tháng *5* năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị B – sinh năm 1989

Địa chỉ: Khối 15, thị trấn TC, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1989

Nơi cư trú: xóm TM, xã MS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 26/01/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Trịnh Thị B trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 22/6/2017 tại UBND xã

MS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn 10 ngày thì chị B phát hiện anh T đã lừa dối chị trong tất cả mọi chuyện và còn lừa chị để lấy số vàng cưới trả nợ tiền đánh bạc. Anh T không có trách nhiệm với gia đình, không tôn trọng và còn đánh đập chị nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng được hai gia đình hòa giải nên lại hòa thuận. Nhưng sau khi hòa giải, anh T không thay đổi mà vẫn chứng nào tật nấy, thậm chí vẫn tiếp tục lừa những người nhẹ dạ khác. Tháng 7/2017, vì không thể sống chung với anh T nên chị B đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại khối 15, thị trấn TC, huyện Thanh Chương sống và vợ chồng sống ly thân. Từ thời gian đó cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng không những không được hàn gắn mà ngày một thêm trầm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị B yêu cầu Toà án giải quyết:

- Ly hôn bị đơn anh Nguyễn Văn T;

- Con chung: có 01 con chung là Trịnh Duy Nghĩa, sinh ngày 24/02/2018. Trong quá trình thụ lý vụ án, chị B đang mang thai và yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng để chị sinh và nuôi con. Nhưng nay chị B đã sinh con và chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nữa vì anh T vốn đã không coi cháu Nghĩa là con chung và từ khi cháu được sinh ra cho đến nay, anh T cũng như gia đình bên nội không hề đoái hoài đến cháu. Lý do chị B khai sinh lấy họ của mẹ cho con chung (họ Trịnh) và trong giấy khai sinh của cháu Nghĩa không có tên cha là vì chị B cho rằng anh T không có trách nhiệm với vợ con, không xứng đáng làm cha của đứa trẻ.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T không có mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: đề nghị áp dụng điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: giải quyết cho chị Trịnh

Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; giao con chung Trịnh Duy Nghĩa cho chị B trực tiếp nuôi, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T; không giải quyết tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung; chị B phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] . Về tố tụng:

Đây là vụ án có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của UBND xã MS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn nhiều lần hợp lệ đến các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét chị Trịnh Thị B và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 22/6/2017 tại UBND xã MS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại điều 8, điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Chị B trình bày quá trình chung sống, mặc dù chỉ mới được một thời gian ngắn nhưng anh T đã thể hiện là một người chồng lừa đảo, không quan tâm, có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù không thu thập được lời khai của anh T nhưng do hai vợ chồng đã ly thân một thời gian dài (từ tháng 7/2017 đến nay), vi phạm nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa chị B và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Trịnh Thị B và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Theo giấy khai sinh chị B cung cấp cho Tòa án thể hiện: ngày 24/02/2018, chị sinh con tên Trịnh Duy Nghĩa. Dù giấy khai sinh cháu Nghĩa không xác định tên cha, cháu Nghĩa lấy họ của mẹ (họ Trịnh), nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử xác định cháu Trịnh Duy Nghĩa, sinh ngày 24/02/2018 là con chung của anh T và chị B. Con chung hiện đang do chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Do con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, chị B không thuộc trường hợp bị cấm hoặc hạn chế quyền nuôi con chung nên việc giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: chị B không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không có kiến nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

- Cho chị Trịnh Thị B ly hôn anh Nguyễn Văn T;

- Về con chung: giao con chung Trịnh Duy Nghĩa, sinh ngày 24/02/2018 cho Trịnh Thị B trực tiếp nuôi. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Chị B cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: không giải quyết.

- Về án phí: chị Trịnh Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001852 ngày 26/01/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã MS;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Thể